

Số: 84/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 57; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 106/2026/TLST-VHNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Văn Thăng E, sinh ngày 02/7/2002; Số CCCD: 091202011301; thường trú: Tổ 6, ấp Mương 40, xã Y, tỉnh An Giang; tạm trú: Nhà trọ C, Tổ 1, khu phố B, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Lê Vi N, sinh ngày 23/10/2005; Số CCCD: 089305004457; thường trú: Tổ 6, ấp Mương 40, xã Y, tỉnh An Giang; tạm trú: Nhà trọ Tr, Tổ 3, khu phố Ô, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Thăng E và bà Lê Vi N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Nay là xã Y, tỉnh An Giang) vào ngày 07/02/2014 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13. Quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, thường xuyên cãi vã

nhau. Nay, ông Nguyễn Văn Thắng E và bà Lê Vi N xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Lê Tuấn H, sinh ngày 19/6/2022. Ông Nguyễn Văn Thắng E và bà Lê Vi N thoả thuận giao con chung cho bà Lê Vi N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn Thắng E có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng. Việc cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 5/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn Thắng E và bà Lê Vi N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn Thắng E và bà Lê Vi N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con sau ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Thắng E và bà Lê Vi N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lê Tuấn H, sinh ngày 19/6/2022 cho bà Lê Vi N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn Thắng E có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng (Ba triệu đồng). Việc cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 5/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Văn Thắng E và bà Lê Vi N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0022968 ngày 13/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã Y, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

THẨM PHÁN

Đậu Thị Loan